

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2023/DS-PT

Ngày: 27-7-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2023/QĐ-PT, ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 18/TB-TA ngày 10-7-2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1968; cư trú tại: Số C, hẻm G, đường C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Chị Nguyễn Trần Mai H, sinh năm 1993; cư trú tại: Số C, hẻm G, đường C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999 và anh Lê Quốc V, sinh năm 1995; cư trú tại: Số A đường C, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; chị T vắng mặt; anh V có mặt.

Người đại diện hợp pháp của T: Anh Cao Quốc T1, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 26-7-2023); có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-10-2022, ngày 26-10-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L, người đại diện hợp pháp của bà L, chị Nguyễn Trần Mai H trình bày: Giữa bà L và gia đình chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Quốc V có mối quan hệ thông gia, nên khi chị T, anh V nhận chuyển nhượng đất có vay của bà L số tiền 960.000.000 đồng và hẹn trong thời gian 20 ngày trả lại. Do là chỗ thân quen, nên bà L tin tưởng không làm giấy nợ và giao tiền cho con gái tên Nguyễn Trần Mai H (là người đại diện theo ủy quyền của bà L) chuyển khoản trả tiền mua đất trực tiếp cho người sang nhượng đất cho chị T, anh V. Hết thời gian 20 ngày không trả tiền theo thỏa thuận, nên ngày 25-6-2022 âm lịch, chị T, anh V viết giấy vay của bà L số tiền 560.000.000 đồng và cam kết trả trong thời hạn 06 tháng, giấy nợ do chị T viết và chị T, anh V cùng ký tên. Đối với số tiền 400.000.000 đồng còn lại, chị T, anh V hẹn trả vào cuối tháng 7-2022 nên hai bên thống nhất không viết chung vào giấy nợ ngày 25-6-2022 âm lịch. Từ khi vay tiền đến cuối tháng 7-2022, chị T, anh V không trả tiền cho bà L như đã cam kết, nên ngày 08-8-2022, chị T, anh V tiếp tục viết giấy vay số tiền 400.000.000 đồng và cùng ký tên, cũng hẹn trong thời hạn 06 tháng trả lại.

Do không trả tiền như thỏa thuận, bà L đã gửi thông báo yêu cầu trả tiền vay nhưng chị T, anh V vẫn không trả. Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T, anh V trả tiền vay 960.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày viết giấy vay cho đến ngày xét xử.

Ngày 26-10-2022, bà L có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu phố H, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo GCN QSDĐ số vào sổ CS11116 ngày

24-6-2022 cấp cho chị Nguyễn Thanh T đứng tên và được Tòa án chấp nhận ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2022/QĐ-BPKCTT ngày 28-10-2022.

Người đại diện hợp pháp của chị T, anh Cao Quốc T1 trình bày: Giữa chị T và bà L không có mối quan hệ họ hàng. Chị T không biết các giấy nợ bà L nộp tại Tòa án để khởi kiện do đâu bà L có; chữ ký, chữ viết trong các giấy nợ không phải của chị T ký và viết ra; từ trước đến nay chị T không vay tiền của bà L, do đó chị T không đồng ý trả theo yêu cầu của bà L.

Đối với anh Lê Quốc V, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt để lấy lời khai, không cung cấp bản tự khai, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Quốc V. Buộc chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Quốc V trả cho bà Trần Thị L số tiền vay 960.000.000 đồng; ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo.

Ngày 24-4-2023, chị Nguyễn Thanh T kháng cáo cho rằng, bản án sơ thẩm chưa xem xét hết tình tiết khách quan của vụ án; nhận định kết luận không đúng với vụ việc; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của chị. Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của chị T thừa nhận chữ viết, chữ ký trong 02 giấy nợ do chị T viết và chị T, anh V cùng ký tên. Đồng thời, xin thay đổi nội dung kháng cáo, từ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm sang sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, vì ngày 08-8-2022, anh V, chị T đã ký hợp đồng ủy quyền cho bà L chiếc xe ô tô nhãn hiệu Luxus để trừ nợ. Do đó, chị T, anh V không còn nợ nên không đồng ý trả theo yêu cầu của bà L.

Tại phiên tòa anh **V** có mặt và thừa nhận có ký giấy nợ bà **L** số tiền 960.000.000 đồng, nhưng số nợ này vợ chồng anh đã trả cho bà **L** bằng hình thức, ký hợp đồng ủy quyền lại cho bà **L** chiếc xe ô tô nhãn hiệu Luxus, trị giá 3,5 tỷ đồng, trong đó có trừ số tiền nợ 960.000.000 đồng; việc chị **H** nói chị mua xe ô tô nhãn hiệu Luxus, nhưng vì sao không đứng tên, mà để vợ anh là chị **T** đứng tên giấy đăng ký xe, trong khi chị **H** có người thân nhưng không nhờ đứng tên giùm, mà nhờ chị **T** vợ anh; vợ chồng anh trả nợ xong nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà **L**.

Người đại diện hợp pháp của bà **L** không đồng ý với kháng cáo của chị **T**; đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh đã xét xử, buộc chị **T** và anh **V** trả cho bà **L** số tiền vay 960.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Theo kết quả giám định, giấy nợ bà **L** nộp khi khởi kiện là do chị **T** viết và chị **T**, anh **V** ký tên; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của chị **T** và anh **V** có mặt cho rằng, ngày 08-8-2022 chị **T**, anh **V** ủy quyền cho bà **L** 01 xe ô tô nhãn hiệu Luxus để trừ số tiền nợ 960.000.000 đồng, nhưng trong hợp đồng ủy quyền không có nội dung nào thể hiện; nếu có việc ủy quyền xe ô tô để trừ nợ sẽ tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác; tại phiên tòa người đại diện của chị **T** thay đổi yêu cầu kháng cáo, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **L** là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị **T**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Nguyễn Thanh T** kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 25-6-2022 âm lịch, chị **Nguyễn Thanh T** và anh **Lê Quốc V** ký tên, ghi họ tên trên giấy vay của bà **Trần Thị L** số tiền 560.000.000 đồng để “Mua

đất”, không thỏa thuận lãi suất và cam kết trả nợ trong thời hạn 06 tháng. Tiếp đến, ngày 08-8-2022 chị **T**, anh **V** ký tên, ghi họ tên trên giấy vay của bà **Trần Thị L** số tiền 400.000.000 đồng để “Làm ăn”, lãi suất tự thỏa thuận và cam kết trả nợ cũng trong thời hạn 06 tháng. Do chị **T**, anh **V** không trả số tiền vay theo thỏa thuận, nên bà **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của chị **T** khai, giữa chị **T**, anh **V** với bà **L** không quen biết; chị **T** không có vay tiền của bà **L** và không thừa nhận chữ ký, chữ viết và nội dung trong 02 giấy nhận nợ bà **L** cung cấp tại Tòa án (BL 59).

[4] Do đó. Tòa án đưa 02 giấy nợ đi giám định, tại Kết luận giám định số: 1015/KL-KTHS ngày 03-02-2023 của Phân Viện khoa học hình sự **Bộ C** tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Chữ ký, chữ viết họ tên “**Lê Quốc V**” dưới mục “Đã nhận đủ tiền” trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên **Lê Quốc V** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký. Toàn bộ chữ viết và chữ ký đứng tên **Nguyễn Thanh T** dưới mục “Đã nhận đủ tiền” trên 02 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên **Nguyễn Thanh T** trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M9 là do cùng một người ký, viết ra”. Nên có cơ sở khẳng định: Năm 2022, chị **T**, anh **V** có vay của bà **L** số tiền tổng cộng 960.000.000 đồng chưa trả, nên ngày 25-6-2022 âm lịch và ngày 08-8-2022 chị **T**, anh **V** viết và ký tên giấy nợ vay của bà **L** số tiền tổng cộng 960.000.000 đồng, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bà **L**.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh **V** và người đại diện hợp pháp của chị **T** thừa nhận có nợ bà **L** 960.000.000 đồng theo 02 giấy nợ bà **L** khởi kiện, nhưng đã trả xong số tiền nợ trên bằng hợp đồng ủy quyền lại chiếc ô tô nhãn hiệu Luxus cho bà **L**. Xét hợp đồng ủy quyền lại được công chứng ngày 08-8-2022 giữa ông **Phan Minh T2**, bà **Lê Thị Thanh P**, chị **Nguyễn Thanh T** với bà **Trần Thị L** để bảo quản, giữ gìn tài liệu, phương tiện được giao...không có nội dung nào ủy quyền xe ô tô nhãn hiệu Luxus để trừ nợ như anh **V** và người đại diện của chị **T** trình bày, nên không có cơ sở xem xét. Do đó, nếu hợp đồng ủy quyền này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Xét thay đổi yêu cầu kháng cáo của chị **T** thấy rằng, cấp sơ thẩm khi giải quyết tranh chấp, đã xem xét đầy đủ các tình tiết khách quan của vụ án; thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **L** là có căn cứ, chị

T kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, nên không được chấp nhận.

[7] Cấp phúc thẩm xét thấy cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 28-10-2022 của Tòa **án nhân dân thành phố T**, tỉnh Tây Ninh đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại **khu phố H, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh**, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS11116 ngày 24-6-2022 cấp cho chị **Nguyễn Thanh T** đứng tên cho đến khi chị **T**, anh **V** thi hành xong số tiền phải trả cho bà **L** hoặc khi bà **L** có yêu cầu hủy bỏ.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị **T** là có căn cứ, nên chấp nhận; không chấp nhận kháng cáo của chị **T**; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng: Kết quả giám định chữ ký, chữ viết trong 02 giấy nợ là chữ ký, chữ viết của chị **T**, anh **V** nên phải chịu phí giám định số tiền 8.010.000 đồng. Ghi nhận bà **L** đã nộp và thanh toán xong, nên chị **T**, anh **V** có nghĩa vụ nộp trả lại cho bà **L**.

[10] Về án phí: Chị **T**, anh **V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 148, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị **Nguyễn Thanh T**; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2023/DS-ST, ngày 24 tháng 3 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị L** về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với chị **Nguyễn Thanh T** và anh **Lê Quốc V**.

Buộc chị **Nguyễn Thanh T** và anh **Lê Quốc V** trả cho bà **Trần Thị L** số tiền vay 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà **Trần Thị L** không yêu cầu chị **Nguyễn Thanh T** và anh **Lê Quốc V** trả tiền lãi.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 28-10-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại khu phố H, Phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS11116 ngày 24-6-2022 cấp cho chị Nguyễn Thanh T đứng tên.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Quốc V có nghĩa vụ trả lại chi phí giám định số tiền 8.010.000 đồng (tám triệu, mười nghìn đồng) cho bà Trần Thị L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Quốc V phải chịu 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu, tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L số tiền tổng cộng 23.200.000 đồng (hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001385 ngày 11-10-2022 và biên lai thu số 0001461 ngày 26-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002037 ngày 08-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; chị T nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

THẨM - VKSND tỉnh Tây Ninh;

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thành phố tây Ninh;
- CCTHADS thành phố tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM PHÁN –**

Trần Quốc Vũ